

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHỤNG HIỆP  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 7 - 2022.

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP, TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Văn Tuấn Khanh

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Văn Dương

2. Ông Nguyễn Thế Tự

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Công Trện – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

**-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa:** Bà Phan Thị Cẩm Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 358/2021/TLST-HN ngày 26 tháng 10 năm 2021 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2022/QĐXX-ST ngày 20 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 93/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị N, sinh năm 1994 (Có mặt)

Nơi thường trú: ấp L, xã H, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Chỗ ở hiện nay: ấp H, xã H1, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Bị đơn: Huỳnh Hoàng N1, sinh năm 1990 (Vắng mặt)

Nơi thường trú: ấp L, xã H, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày: Chị và anh Huỳnh Hoàng N1 tự nguyện đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang ngày 09/8/2012. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên đến năm 2020, vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hằng ngày, dẫn đến thường xuyên xảy ra xung đột trong tình cảm vợ chồng. Từ đó, vợ chồng không còn tìm được tiếng nói chung, vợ

chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, hôn nhân không còn hòa hợp và hạnh phúc như trước nên anh, chị quyết định ly thân từ tháng 5/2021 đến nay. Chị và anh N1 đã nhiều lần hòa giải, hàn gắn tình cảm nhưng tất cả đều không thành. Nay bản thân chị N nhận thấy tình trạng hôn nhân không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Huỳnh Hoàng N1.

Về con chung: Quá trình chung sống có 02 con chung tên Huỳnh Hoàng P, sinh ngày 29/9/2012 và Huỳnh Thị Trúc L, sinh ngày 28/3/2017. Theo đơn khởi kiện chị N yêu cầu nuôi cháu L và anh N1 nuôi cháu P. Nay chị thay đổi nội dung khởi kiện, yêu cầu nuôi cháu P và anh N1 nuôi dưỡng cháu L, chị không cấp dưỡng cho cháu L và không yêu cầu anh N1 cấp dưỡng cho cháu P.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Huỳnh Hoàng N1 vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy trình thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án, kiểm sát viên đề nghị: Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được L hôn với anh Huỳnh Hoàng N1; Về con chung: Giao con chung Huỳnh Hoàng P, sinh ngày 29/9/2012, cho nguyên đơn nuôi dưỡng và bị đơn không cấp dưỡng nuôi con chung; Giao con chung Huỳnh Thị Trúc L, sinh ngày 28/3/2017, cho bị đơn nuôi dưỡng và nguyên đơn không cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản và nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp L hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, bị đơn Huỳnh Hoàng N1 có địa chỉ tại ấp Lái Hiếu, xã Hiệp Hưng, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Huỳnh Hoàng N1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại các phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ những

vẫn vắng mặt không lý do nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị N và anh Huỳnh Hoàng N1 xuất phát từ sự tự nguyện, quá trình sống chung đến nay có đăng ký kết hôn theo luật định nên quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị N và anh Huỳnh Hoàng N1 được pháp luật thừa nhận. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do chị N và anh N1 bất đồng quan điểm trong cuộc sống hằng ngày nên vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột trong tình cảm vợ chồng. Từ đó, vợ chồng không còn tìm được tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân không còn hòa hợp và đã ly thân từ tháng 5/2021 đến nay. Chị N và anh N1 đã được hai bên gia đình thuyết phục, hàn gắn nhưng không giải quyết được nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tạo điều kiện cho chị N tiếp tục hàn gắn với anh N1 nhưng chị N giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân giữa chị N và anh N1 đã thật sự trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị N.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống chị N và anh N1 có 02 con chung tên Huỳnh Hoàng P, sinh ngày 29/9/2012 và Huỳnh Thị Trúc L, sinh ngày 28/3/2017, chị N có yêu cầu được nuôi cháu P và giao cháu L cho anh N1 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Bởi lẽ, hiện cháu P đang sống chung với chị N và cháu L đang sống chung với anh N1. Đồng thời, cháu P cũng có nguyện vọng sống chung với chị N. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của chị N, cháu P và nhằm ổn định, tránh gây xáo trộn cho cuộc sống của hai cháu. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Huỳnh Hoàng P cho chị Nguyễn Thị N tiếp tục, chăm sóc nuôi dưỡng và giao cháu Huỳnh Thị Trúc L cho anh Huỳnh Hoàng N1 tiếp tục, chăm sóc nuôi dưỡng. Dành quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho chị Nguyễn Thị N và anh Huỳnh Hoàng N1 không ai có quyền ngăn cản. Về cấp dưỡng nuôi con chung do chưa yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng theo quy định.

[6] Các đương sự được quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 51, Điều 53; Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Huỳnh Hoàng N1.

2. Về con chung: Giao cháu Huỳnh Hoàng P, sinh ngày 29/9/2012 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Huỳnh Thị Trúc L, sinh ngày 28/3/2017 cho anh Huỳnh Hoàng N1 trực tiếp nuôi dưỡng, chị Nguyễn Thị N và anh Huỳnh Hoàng N1 chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho chị Nguyễn Thị N và anh Huỳnh Hoàng N1 không ai có quyền ngăn cản.

3. Về tài sản, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007531 ngày 26 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang. Chị Nguyễn Thị N không phải nộp thêm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND H.Phụng Hiệp;
- UBND xã nơi cư trú;
- Chi cục THADS H.Phụng Hiệp;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Võ Văn Tuấn Khanh**